

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 96/2024/DS-ST

Ngày 27/6/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ban và bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa
án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Bà Vũ Thị
Phương Thảo, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma
Thuột đã đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 255/2024/TLST-DS ngày
09/4/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXX-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định
hoãn phiên tòa số 102/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương
sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: A N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Trung X, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ
dân phố C, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Văn Thanh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện
theo uỷ quyền nguyên đơn ông Nguyễn Trung X trình bày:**

Ông Nguyễn Huy H kin doanh doanh thức ăn chăn nuôi tại số A, N, thị trấn
E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình kinh doanh, ông Nguyễn Huy H đã
nhiều lần bán cám là thức ăn chăn nuôi cho ông Bùi Văn Thanh T. Trong năm 2023,

ông Nguyễn Huy H đã nhiều lần bán cám cho ông Bùi Văn T1 T hình thức mua bán là mua hàng trả tiền hoặc thiếu lại đến lần mua hàng tiếp theo thì trả hết số tiền của lần mua hàng trước.

Tính đến ngày 08/9/2023, ông Bùi Văn T1 T còn nợ ông Nguyễn Huy H tổng số tiền là: 37.000.000 đồng (ba mươi bảy triệu đồng), tiếp theo trong các ngày 13 tháng 9; ngày 21 tháng 9; ngày 01 tháng 10 và ngày 04 tháng 10 năm 2023 ông Bùi Văn Thanh T mua thêm cám của ông Nguyễn Huy H với số tiền là: 28.860.000 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng cộng ông Bùi Văn T1 T nợ ông Nguyễn Huy H đến ngày 04/10/2023 là 65.860.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) và ông T đã ký xác nhận nợ và cam kết trả nợ dứt điểm trong tháng 10 năm 2023. Tại giấy xác nhận nợ có dung xác nhận số nợ 65.860.000 đồng, phần cuối văn bản có chữ ký xác nhận đề tên Bùi Văn Thanh T, ông Nguyễn Huy H, ông Lê Đình K, trong đó ông T là người xác nhận nợ, ông H là người cho nợ và ông K là người làm chứng.

Khi đến hạn cam kết trả nợ ông Bùi Văn Thanh T không thực hiện việc trả nợ cho ông Nguyễn Huy H như cam kết, tính đến ngày 17/01/2024 ông Bùi Văn T1 T mới trả cho ông Nguyễn Huy H được số tiền là 15.000.000 đồng, việc trả nợ thì ông T đưa trực tiếp tiền mặt cho ông H, ký nhận vào sổ của ông T, về số nợ còn lại mặc dù ông Nguyễn Huy H đã nhiều lần yêu cầu ông Bùi Văn Thanh T trả nợ nhưng không có kết quả.

Về ý kiến của ông T cho rằng ông H giao thức ăn chăn nuôi cho ông T không đầy đủ, làm ảnh hưởng năng suất nuôi gà, gây thiệt hại cho ông T là không có căn cứ, ông T cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh việc này nên ông H không đồng ý xem xét thiệt hại.

Ông Nguyễn Huy H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết buộc ông Bùi Văn T1 T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huy H tổng số tiền là: 50.860.000 đồng, về tiền lãi ông Nguyễn Huy H không yêu cầu.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Bùi Văn Thanh T trình bày:

Trong năm 2023, ông Bùi Văn Thanh T đã nhiều lần mua cám thức ăn chăn nuôi của cửa hàng ông của ông Nguyễn Huy H dưới hình thức mua bán là mua hàng trả tiền hoặc thiếu lại đến lần mua hàng tiếp theo thì trả hết số tiền của lần mua hàng trước. Tổng cộng ông Bùi Văn T1 T nợ ông Nguyễn Huy H đến ngày 04/10/2023 là 65.860.000 đồng. Chữ ký, chữ viết đề tên Bùi Văn Thanh T trong giấy nhận nợ mà nguyên đơn cung cấp là của ông Bùi Văn Thanh T. Tính đến ngày 17/01/2024, ông Bùi Văn T1 T mới trả cho ông Nguyễn Huy H được số tiền là 15.000.000 đồng, do việc chăn nuôi gặp khó khăn, ông H giao thức ăn chăn nuôi cho ông T không đầy đủ, làm ảnh hưởng năng suất nuôi gà nên không có đủ điều kiện trả nợ cho ông H theo thoả thuận.

Nay ông Nguyễn Huy H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết buộc ông Bùi Văn T1 T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huy H tổng số tiền là: 50.860.000 đồng thì T chấp nhận trả cho ông H số nợ còn lại là 50.860.000 đồng, thời hạn trả nợ thì cứ 3 tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, và cũng đề nghị ông H xem xét đến thiệt hại do việc giao thức ăn chăn nuôi không đủ làm chết gà của ông T. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị hội đồng xét xử.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy H.

Buộc ông Bùi Văn T1 T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huy H số tiền 50.860.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn cư trú tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy H, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn Thanh T trả số tiền 50.860.000 đồng. Ông H có cung cấp tài liệu chứng cứ là Giấy xác nhận nợ tính đến ngày 04/10/2023 là 65.860.000 đồng (Sáu

mười lăm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) và cam kết trả nợ dứt điểm trong tháng 10 năm 2023. Ông T mới chỉ trả được 15.000.000 đồng, còn nợ lại 50.860.000 đồng, bị đơn ông Bùi Văn T1 T cũng thừa nhận việc viết giấy nhận nợ và số nợ còn lại 50.860.000 đồng, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đến nay, ông T vẫn chưa trả cho ông H số tiền nợ còn lại 50.860.000 đồng, như vậy ông T đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 434 của Bộ luật dân sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 50.860.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về ý kiến của bị đơn cho rằng ông H giao không đủ thức ăn chăn nuôi, làm ảnh hưởng đến năng suất, gây thiệt hại cho ông H nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết và nguyên đơn cũng không thừa nhận, nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

Về ý kiến của bị đơn thời hạn trả nợ là mỗi 3 tháng sẽ trả cho nguyên đơn 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, phía nguyên đơn không chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn cụ thể: 50.860.000 đồng x 5% = 2.543.000 đồng.

Ông Nguyễn Huy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, Điều 434, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy H.

Buộc ông Bùi Văn T1 T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huy H số tiền 50.860.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn ông Bùi Văn Thanh T phải chịu 2.543.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Huy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 1.271.500 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Phạm Văn V đã nộp thay cho ông Nguyễn Huy H tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0009766 ngày 01/4/2024.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- Đương sự.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Đình Thanh

